

**NGHIÊN CỨU VỀ LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM Ở HUYỆN VẠN NINH,
TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Trịnh Hoài Nam
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*

TÓM TẮT

Quy mô dân số ngày càng tăng, trình độ dân trí và nhu cầu tìm kiếm việc làm là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển, nó vừa là động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện, vừa mang tính mâu thuẫn giữa nhu cầu và khả năng, vừa là những đòi hỏi cấp thiết trong việc giải quyết nhu cầu việc làm của người lao động. Thực trạng lao động việc làm ở huyện Vạn Ninh qua các yếu tố như trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ văn hóa, lao động trong các ngành cũng như việc làm và thất nghiệp ở thị trấn và nông thôn còn bộc lộ nhiều hạn chế, tồn tại; đòi hỏi phải có những giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực và giải quyết việc làm cho người lao động.

1. Đặt vấn đề

Thành tựu sau 20 năm đổi mới của nước ta đã khẳng định vai trò to lớn về nguồn lực con người trong sự phát triển của đất nước. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam gia nhập WTO với xu hướng toàn cầu hoá và trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì vấn đề lao động, việc làm có một ý nghĩa rất lớn và trở thành một đòi hỏi cấp bách hơn bao giờ hết.

Huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà là một huyện thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, trong những năm qua, nền kinh tế của huyện đã tăng trưởng với nhịp độ khá cao và đã chuyển dịch theo hướng hợp lý, tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Hàng năm, huyện đã tạo việc làm mới cho 2.000 lao động. Cơ cấu lao động có bước chuyển dịch theo hướng chuyển dịch của cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề tạo việc làm ổn định, lâu dài cho người lao động trong giai đoạn hiện nay là một bài toán khó.

Vì vậy, nghiên cứu lao động, việc làm ở huyện Vạn Ninh, Khánh Hoà sẽ có một ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Mục tiêu nghiên cứu là hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về lao động, việc làm, thất nghiệp; phân tích tình hình lao động, việc làm và đề xuất các giải pháp hữu hiệu, có tính khả thi nhằm giải quyết tốt việc làm cho người lao động ở huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà.

2 . Thực trạng lao động, việc làm ở huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà

2.1. Vài nét về huyện Vạn Ninh

Vạn Ninh là một huyện nông nghiệp nằm ở phía bắc tỉnh Khánh Hòa, trải dài từ đèo Cả - xã Đại Lãnh đến đốc Đá Trắng - xã Vạn Hưng, với chiều dài bờ biển trên 40 km và diện tích tự nhiên hơn 550 km². Toàn huyện có 37 km đường sắt, 130 km đường thủy và 536 km đường bộ. Huyện có 12 xã và 01 thị trấn, trong đó có 07 xã ven biển, 01 xã đảo, 01 xã miền núi, còn lại 03 xã đồng bằng. Địa hình của Vạn Ninh thấp dần từ Tây sang Đông tạo thành 4 vùng rõ rệt: vùng núi, vùng đồng bằng, vùng ven biển, vùng đảo và bán đảo. Vạn Ninh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới có 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Trên địa bàn huyện Vạn Ninh có 8 loại đất chính, trong đó đất thịt là 11.276 ha, chiếm 20,50% và đất cát pha là 10.995 ha chiếm 19,99% tổng diện tích. Hai loại đất này phân bố đều ở các xã, thị trấn phù hợp cho việc phát triển nông nghiệp. Với điều kiện đó, huyện Vạn Ninh có điều kiện khá thuận lợi cho phát triển đa dạng nông – lâm nghiệp, đặc biệt là cây ăn quả và cây nông nghiệp ngắn ngày

2.2. Thực trạng nguồn lao động của huyện Vạn Ninh

Năm 2008, huyện Vạn Ninh có 65.372 người trong độ tuổi lao động, chiếm 50,45% dân số toàn huyện. Số lượng lao động tăng dần từ năm 2003 đến năm 2008 và tỷ lệ thất nghiệp giảm dần theo từng năm. Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung các xã đồng bằng và ven biển, các trục đường giao thông với mật độ dân số bình quân toàn huyện là 237 người /km². Dân cư phân bố chủ yếu ở nông thôn làm nghề nông và nuôi trồng đánh bắt thủy sản, dân số nông thôn chiếm 83,42%, dân số thành thị là 16,58 %.

Bảng 1. Dân số phân theo độ tuổi lao động năm 2008

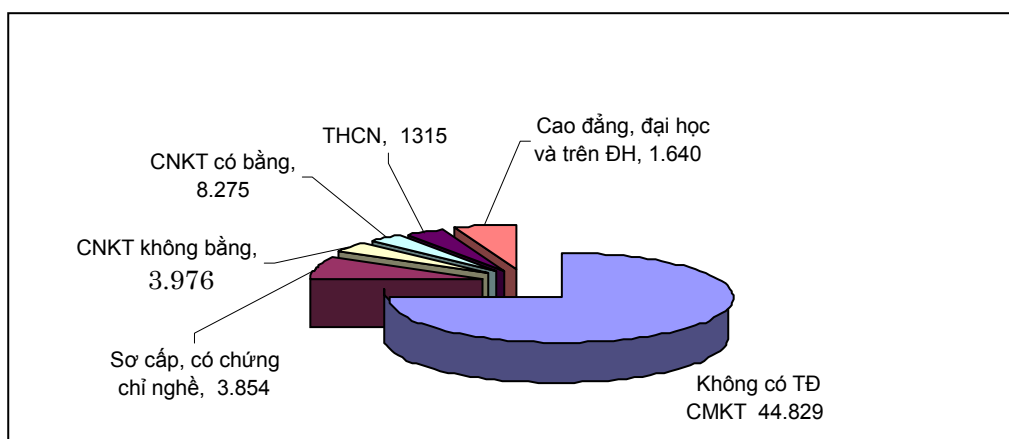
CHỈ TIÊU	Dân số	Số người từ 15 tuổi trở lên	Số người trong độ tuổi lao động	Số người trên độ tuổi lao động
Toàn huyện (người)	129.578	65.372	56.181	9.191
Tỷ trọng trong dân số (%)		50,45	43,35	7,09
Thị trấn (người)	21.484	12.084	11.664	420
Tỷ trọng trong dân số (%)		56,25	54,30	19,55
Nông thôn (người)	108.094	70.985	61.159	9.826
Tỷ trọng trong dân số (%)		65,67	56,58	9,09

Nguồn: Số liệu điều tra lao động, việc làm năm 2008

Theo số liệu điều tra lao động, việc làm năm 2008, dân số của Vạn Ninh

129.578 người, trung bình mỗi năm tăng trên 5.639 người tương ứng với tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm là khoảng 1,2%, số người từ 15 tuổi trở lên là 65.372 người, chiếm 50,45% tổng dân số. Số người trong độ tuổi lao động gồm có nam giới từ 15 tuổi đến 60 tuổi và nữ từ 15 tuổi đến 55 tuổi là 56.181 người, chiếm 43,36%; số người trên độ tuổi lao động 9.191 người chiếm 7,09%. Tỷ lệ lao động tập trung ở khu vực nông thôn năm 2008 chiếm 56,58% (61.159 người) và ở khu vực thị trấn chiếm 54,30% (11.664 người).

Về trình độ học vấn, số liệu điều tra cho thấy: Chất lượng của lao động tăng lên đáng kể, biểu hiện qua số lao động đã tốt nghiệp THPT năm 2008 tăng 2.464 người so với năm 2003. Tuy nhiên, số lao động có trình độ thấp, số người mới đạt trình độ tiểu học và THCS còn khá cao (chiếm khoảng 72%). Điều này sẽ là một trở ngại không nhỏ trong tiến trình thực hiện CNH, HĐH của huyện và tỉnh. Bên cạnh đó, còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ học vấn giữa 2 khu vực thành thị và nông thôn (người có trình độ THPT ở thành thị là 38,29%, nông thôn là 9,87%) và đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm gia tăng mức độ phân hoá cả về mặt kinh tế lẫn trình độ giữa 2 khu vực.



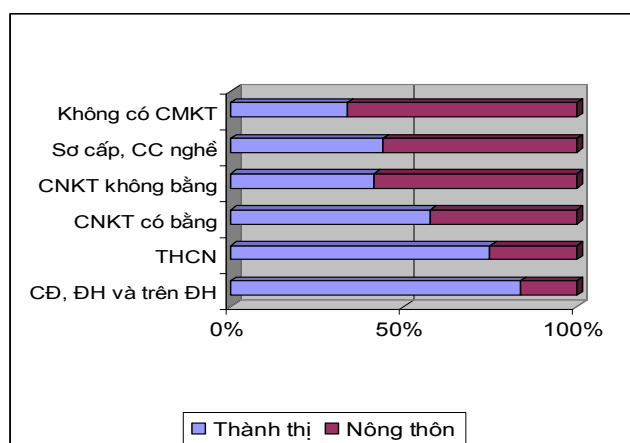
Sơ đồ 1. Cơ cấu lực lượng lao động phân theo chuyên môn kỹ thuật 2008

Cùng với sự phát triển về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) của lao động cũng không ngừng được cải thiện. Nếu năm 2003, toàn huyện Vạn Ninh có 44.144 lao động chưa qua đào tạo (chiếm 84,84% so với tổng số) thì đến năm 2008 con số này chỉ còn hơn 40.000 người (khoảng 71%). Năm 2003, số lao động có trình độ CMKT (kể từ sơ cấp, học nghề đến trình độ đại học và trên đại học) là 7.788 người chiếm 15,16% trong tổng số lao động thì đến năm 2008 là 14.995 người (26,69%).

Bảng 2. Cơ cấu trình độ CMKT của lao động phân theo nhóm tuổi (%)

Chia theo nhóm tuổi	Tổng	Không có CMKT	Chứng chỉ nghề	CNKT không bằng	CNKT có bằng	THCN	CĐ,ĐH và trên ĐH
Từ 15 đến 19 tuổi	100,00	91,82	7,46	0,00	0,23	0,49	0,00
Từ 20 đến 24 tuổi	100,00	79,96	10,18	2,19	1,40	2,19	4,08
Từ 25 đến 29 tuổi	100,00	73,96	11,41	2,13	2,38	2,74	7,38
Từ 30 đến 34 tuổi	100,00	67,23	10,88	8,19	6,15	3,15	4,40
Từ 35 đến 39 tuổi	100,00	68,45	7,00	9,14	5,85	4,25	5,32
Từ 40 đến 44 tuổi	100,00	72,95	7,53	2,91	3,96	4,94	7,69
Từ 45 đến 49 tuổi	100,00	72,21	5,70	3,32	2,50	6,14	10,12
Từ 50 đến 54 tuổi	100,00	78,60	3,70	2,85	1,68	4,76	8,40
Từ 55 đến 59 tuổi	100,00	83,15	1,29	3,50	1,71	1,30	9,05
Tỷ lệ chung	100,00	74,95	8,08	4,24	3,31	3,44	5,97

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2008



Sơ đồ 2. Cơ cấu trình độ CMKT năm 2008 phân theo khu vực

Có thể thấy cơ cấu trình độ CMKT của lực lượng lao động bộc lộ nhiều bất cập không chỉ thể hiện ở tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo thấp mà còn ở sự mất cân đối ngay trong số lao động đã qua đào tạo, giữa tỷ lệ CNKT so với tỷ lệ người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. Mặt khác, lao động không có trình độ CMKT chiếm tỷ trọng lớn, gần 75% tính chung cho tất cả các nhóm tuổi. Đặc biệt, đối với lao động trẻ, tỷ lệ không có CMKT đối với nhóm từ 15-19 tuổi lên đến 91,82%, và nhóm 20-24 tuổi là 79,96%, số lao động đã qua đào tạo cũng chủ yếu ở trình độ thấp và sơ cấp.

Nếu phân theo khu vực về trình độ CMKT, tỷ lệ người lao động không có trình độ CMKT tập trung ở khu vực nông thôn lên đến 82,64%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề ở nông thôn chỉ bằng một nửa so với thành thị (17,36% so với 36,88%). Thực tế cho thấy lao động ở nông thôn khi đã qua đào tạo đạt trình độ nhất định thường có xu hướng tìm kiếm việc làm ở thành thị. Xu hướng tồn tại từ lâu này đã khiến lao động có tay nghề và trình độ cao về các thành phố, đô thị lớn gây ra sự thiếu hụt lực lượng lao động trí thức ở khu vực nông thôn, đồng thời dẫn đến sự lãng phí trong quá trình sử dụng.

2.3 Tình trạng việc làm của lao động ở huyện Vạn Ninh

Trong tổng số 56.181 người thuộc lực lượng lao động, số người có việc làm là 53.316 người chiếm 94,9%; số người thiếu việc làm là 2.865 chiếm 5,1%. Tỷ lệ người đủ việc làm ở khu vực thị trấn thấp hơn nông thôn (92,28% so với 96,9%), nhưng xu hướng việc làm của lao động ở khu vực thị trấn sẽ chiếm ưu thế và mang lại hiệu quả cao hơn ở khu vực nông thôn.

Nếu phân theo ngành và thành phần kinh tế: Số liệu trong biểu 3 cho thấy cơ cấu lao động chưa chuyển dịch đáng kể, tỷ trọng lao động trong ngành nông - lâm - ngư vẫn chiếm cao trong tổng số lao động. Bức tranh lao động phân theo khu vực có sự phân hoá rất rõ nét. Khu vực thành thị, tỷ lệ lao động làm trong ngành dịch vụ là cao nhất (chiếm 55%). Khu vực nông thôn, số người làm nông - lâm - ngư nghiệp lên tới 68,51% và thu nhập đại bộ phận người lao động không cao, tình trạng thiếu việc làm mang tính thời vụ của người làm nông nghiệp là phổ biến.

Bảng 3. Cơ cấu lao động phân theo 3 ngành kinh tế chính qua một số năm (%)

Năm	Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2004	52,75	18,05	29,20
2005	49,65	18,52	31,83
2006	46,15	21,61	32,23
2007	46,34	21,39	32,28

Nguồn: Điều tra lao động việc làm 2007.

Số lao động phân theo thành phần kinh tế của toàn huyện Vạn Ninh cũng có sự thay đổi đáng ghi nhận. Trong những năm gần đây, lao động trong khu vực Nhà nước có chiều hướng giảm xuống còn lao động khu vực tư nhân và khu vực ngoài quốc doanh đang tăng lên nhanh chóng, nguyên nhân là số lượng các doanh nghiệp tư nhân và ngoài quốc doanh tăng mạnh, thu hút lực lượng lao động khá lớn với mức thu nhập khá ổn định.

2.4. Đánh giá tình trạng thất nghiệp của lao động ở huyện Vạn Ninh

Trong số 56.181 người thuộc lực lượng lao động của Vạn Ninh năm 2008, số người chưa có việc làm (thất nghiệp), hoặc việc làm tạm bợ, không ổn định hoặc thiếu việc làm thường xuyên là 2.224 người chiếm tỷ lệ 3,96%. Trong đó, số lao động không có CMKT là 1.756 người, chiếm 79%.

Để tìm hiểu cụ thể hơn về tình hình thất nghiệp của lao động có CMKT, chúng tôi phân tích số liệu theo ngành nghề đã qua đào tạo và khu vực. Nếu tính bình quân thì tỷ lệ người thất nghiệp đối với lao động có trình độ CMKT là 2,71% và tỷ lệ người thất nghiệp được đào tạo ở trình độ THCN là 5,28% (Trong đó, chiếm tỷ lệ lớn là ngành sư phạm, kế toán, kinh doanh quản lý) và chủ yếu là ở khu vực thị trấn.

Theo số liệu thu thập qua các tài liệu và các cuộc điều tra lao động hàng năm, chúng tôi thấy tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm đi (Bảng 4) cụ thể như sau:

Bảng 4. Tình trạng thất nghiệp ở khu vực thị trấn huyện Vạn Ninh

Năm	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Số lượng (người)	611	651	640	739	684	636	622
Tỷ lệ (%)	6,44	6,22	6,01	6,84	6,15	5,6	5,4

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2008

Số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm ở khu vực thành thị trong 5 năm gần đây nhờ có chính sách việc làm nên đã được kiểm chế, tuy nhiên, hàng năm vẫn có khoảng 622 người thất nghiệp ở thành thị và gần 4.600 người thiếu việc làm ở nông thôn. Do đó, vấn đề giải quyết việc làm là một đòi hỏi bức thiết hiện nay.

Đối với lao động thất nghiệp ở khu vực nông thôn: Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đô thị hoá, diện tích đất canh tác ngày càng bị thu hẹp và tốc độ tăng dân số hàng năm cao làm cho vấn đề việc làm trong nông thôn trở nên căng thẳng. Năm 2008, tỷ lệ thiếu việc làm (thất nghiệp vô hình) được tính riêng cho khu vực nông thôn đã giảm từ 40% (2002) xuống còn 22,6% (2008). Song, đây vẫn còn là mức rất cao, chứng tỏ ở nông thôn vẫn còn lãng phí rất lớn lực lượng lao động. Số thiếu việc làm tập trung ở nhóm tuổi 15 - 24 (36%), tiếp đến các nhóm tuổi 25 - 34 (27%), nhóm tuổi 35 - 44 (20%) và nhóm tuổi 45 - 54 (12%). Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn có sự khác biệt lớn giữa các vùng, cao nhất là các xã đồng bằng (30,5%), thấp nhất là miền núi và xã đảo khoảng 18%.

Có thể nói vấn đề giải quyết việc làm ở nông thôn là vấn đề khá nan giải. Tuy nhiên, ở nông thôn lại có tiềm năng về tư liệu sản xuất, lao động dồi dào, lao động vụ

mùa và có thể chấp nhận những công việc nặng nhọc với tiền công thấp... nhưng vẫn là bài toán khó về vốn, kỹ thuật, công nghệ, thị trường, trình độ lao động và cơ sở hạ tầng. Bởi vậy, vấn đề giải quyết việc làm ổn định, có hiệu quả ở nông thôn là một vấn đề khá nan giải. Lao động có việc làm khu vực nông thôn hiện nay đang tăng lên từ 72,93% năm 1985, 73,28% năm 1999 và 87,5 % năm 2008; bình quân mỗi năm tăng được khoảng 1% - 5%.

3. Mục tiêu, phương hướng và một số giải pháp giải quyết việc làm ở huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà

3.1. Mục tiêu và phương hướng

Nhằm tập trung nguồn lực thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2005-2015, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Vạn Ninh lần thứ XVII đã xác định mục tiêu và phương hướng cơ bản có tính chất chiến lược để sử dụng có hiệu quả nguồn lao động và giải quyết việc làm: là đưa kinh tế vượt qua những khó khăn thách thức hiện nay, đảm bảo tăng trưởng cao, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện cơ bản chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng nền tảng cho công nghiệp hóa, tăng năng lực khoa học kỹ thuật và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong huyện. Giải quyết việc làm, đảm bảo việc làm cho hầu hết lao động có nhu cầu làm việc, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.

3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm tạo việc làm cho người lao động

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển nuôi trồng đánh bắt, chế biến thủy, hải sản xuất khẩu, xây dựng các khu công nghiệp tập trung nhằm tăng cường thu hút lao động.

- Tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho thanh niên, lao động nông thôn nhằm hình thành đội ngũ lao động đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Quy hoạch ngành nghề, xây dựng hệ thống đào tạo, hướng dẫn đầu tư, hướng dẫn ngành nghề, dịch vụ việc làm. Mở rộng và phát triển các Trung tâm dạy nghề và Trung tâm giới thiệu việc làm.

- Đa dạng mối quan hệ đan xen giữa các thành phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước). Tập trung hỗ trợ người thất nghiệp, người thiếu việc làm và các đối tượng tàn tật, đối tượng yếu thế của xã hội về học nghề, vay vốn với lãi suất ưu đãi nhằm tạo nhiều việc làm cho người lao động.

- Thực thi đồng bộ hệ thống chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước nhằm phát triển kinh tế để tạo việc làm, hoàn thiện các chính sách về lao động, việc làm. Phát triển thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu, hội chợ việc làm...

- Đa dạng hoá việc làm, đẩy mạnh phát triển các ngành phi nông nghiệp. Tập

trung phát triển ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế hộ gia đình hoặc các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông nhân ở nông thôn. Phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, nhất là các khu công nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Triển khai tốt chương trình giải quyết việc làm bằng việc tăng cường công tác dạy nghề với việc lồng ghép với các chương trình khác. Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về đất đai, đầu tư, tạo nguồn vốn, có chính sách ưu đãi về vốn, về thu mua sản phẩm, thuế cho lao động ở nông thôn.

4. Kết luận

Huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà là một huyện có nguồn lao động khá dồi dào, chủ yếu vẫn là lao động nông nghiệp. Thực trạng cho thấy, số lao động có việc làm chiếm tỷ trọng cao và chất lượng lao động ngày càng được cải tiến. Song, trong thực tế chất lượng lao động thông qua trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động ở huyện Vạn Ninh vẫn thấp và còn chênh lệch lớn giữa khu vực thị trấn và nông thôn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cho thấy: số lao động không có việc làm hoặc thiếu việc làm vẫn còn chiếm một tỷ lệ nhất định. Đây cũng là vấn đề đòi hỏi các cấp, các ngành phải nghiên cứu và giải quyết.

Kết quả nghiên cứu lao động, việc làm ở huyện Vạn Ninh đã chỉ ra nhiều vấn đề cần sớm được giải quyết. Tình trạng tăng nhanh lực lượng lao động và mức độ thất nghiệp, tình trạng thiếu việc làm khá cao vẫn là một áp lực lớn trước khả năng hạn chế đối với công tác giải quyết việc làm. Bước vào giai đoạn phát triển mới, đảng bộ và UBND huyện Vạn Ninh cần tiếp tục xây dựng và ban hành nhiều chính sách, biện pháp, nhiều chương trình tạo việc làm mới nhằm giải quyết việc làm cho người lao động. Trong đó, vấn đề then chốt cần được ưu tiên và quan tâm hàng đầu là tập trung đầu tư thích đáng nâng cao chất lượng lao động, biến tiềm năng lao động xã hội thành sức mạnh phát triển kinh tế của huyện trước mắt cũng như lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Diễm. *Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tạo việc làm cho người lao động ở Việt nam trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Dũng, Trần Hữu Trung. *Về chính sách giải quyết việc làm ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1997.
3. Thái Hữu Lục. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lao động việc làm ở Vạn Ninh-Khánh Hoà*. Luận văn thạc sỹ kinh tế- Đại học Nha Trang, 2008.
4. *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2008 và phương hướng phát triển kinh tế xã hội 2009*, UBND huyện Vạn Ninh.

5. *Giáo trình kinh tế lao động*. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
6. *Một số vấn đề về phát triển thị trường lao động ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
7. *Niên giám thống kê 2007, 2008*. Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa và huyện Vạn Ninh.
8. *Thực trạng lao động việc làm ở Việt Nam*, NXB Thống kê Hà Nội.



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HOÀ

**STUDYING THE LABOUR AND WORK RESOURCE
IN VAN NINH DISTRICT, KHANH HOA PROVINCE**

*Trinh Hoai Nam
College of Economics, Hue University*

SUMMARY

The increase of population and their low knowledge level are the situations leading to contradictions and challenges in the search for jobs.

Most of the labour in rural regions have low professional and knowledge level, so the unemployment rate is high. Many policies have been suggested to improve this situation. Among these are the increasing of the labour quality by training and the provision of job opportunities for the workers and farmers.